

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

- Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án **13**
Nguyễn Hữu Hưng
- Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**
Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh
- Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam **29**
Đoàn Ngọc Phúc
- Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu **40**
Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu
- Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**
Nguyễn Văn Toại
- Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**
Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc
- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt **65**
Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang **76**
Nguyễn Lan Duyên
- Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**
Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân
- Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay **108**
Võ Văn Dũng
- Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới **115**
Phạm Đi
- Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam..... **123**
Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh
- Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**
Ngô Văn Minh
- Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng **140**
Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 04/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2025

The 18th Year

Contents

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation **3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
2. Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**
Nguyen Huu Hung
3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province **19**
Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh
4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam **29**
Doan Ngoc Phuc
5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance **40**
Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu
6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**
Nguyen Van Toai
7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**
Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc
8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective **65**
Le Chi Cong, Nguyen Nam Son
9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**
Nguyen Lan Duyen
10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang
11. Factors affecting the healing process of Gen Z. **97**
Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien, Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran
12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam **108**
Vo Van Dung
13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**
Pham Di
14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**
Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh
15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century **132**
Ngo Van Minh
16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**
Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach

Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt

Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn

Trường Đại học Nha Trang

Email liên hệ: conglechi@ntu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với 110 phiếu, khách du lịch 50/110, người dân 50/110, doanh nghiệp 10/110, tại thành phố Đà Lạt. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp hạn ngạch dựa trên các đặc điểm nhân khẩu học như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và vị trí địa lý. Bảng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm xây dựng thang đo và định lượng với các kỹ thuật phân tích độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá và phân tích kết quả đánh giá phát triển bền vững dưới góc độ môi trường của các đối tượng. Kết quả nghiên cứu đã xác định 8 tiêu chí quan trọng tác động đến sự phát triển du lịch bền vững về môi trường tại thành phố Đà Lạt, bao gồm: (1) Giảm tác động giao thông, (2) Ô nhiễm không khí, (3) Quản lý chất thải rắn, (4) Xử lý nước thải, (5) Quản lý nước, (6) Sử dụng năng lượng, (7) Quản lý cảnh quan, (8) Quản lý chi phí bảo vệ và đầu tư. Những kết quả này mang lại cơ sở khoa học và thực tiễn để các nhà quản lý, doanh nghiệp và chính quyền địa phương triển khai các chính sách cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành ngành du lịch. Đồng thời, các giải pháp này hướng đến mục tiêu xây dựng và duy trì một ngành du lịch bền vững từ góc độ môi trường, góp phần bảo tồn các giá trị tự nhiên đặc trưng của thành phố Đà Lạt trong tương lai.

Từ khóa: Du lịch bền vững; môi trường; Đà Lạt

Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective

Abstract: This study employs face-to-face interview techniques using comprehensive questionnaires, collecting 110 responses from a diverse sample comprising tourists (50/110), local residents (50/110), and business representatives (10/110) in Da Lat City. The sampling method was designed using quota sampling, guided by demographic characteristics such as gender, age, educational attainment, and geographical distribution. Using a mixed-methods approach, the study integrates qualitative techniques for scale development and quantitative methods, including scale reliability analysis, exploratory factor analysis, and evaluation of environmental sustainability in tourism from the perspectives of different stakeholder groups. The findings identify eight critical criteria influencing the sustainable development of tourism in Da Lat City from an environmental perspective, including: (1) Mitigation of traffic impacts, (2) Control of air pollution, (3) Management of solid waste, (4) Wastewater treatment, (5) Water resource management, (6) Efficient energy utilization, (7) Landscape management, and (8) Management of environmental protection and investment costs. These results provide a robust theoretical and empirical foundation for policymakers, businesses, and local authorities to design and implement targeted strategies aimed at enhancing the operational efficiency and operation of the tourism sector. Furthermore, these measures seek to foster and sustain environmentally-oriented tourism development, contributing to the preservation and promotion of Da Lat City's distinctive natural and cultural heritage in the long term.

Keywords: Sustainable tourism; environment; Da Lat.

Ngày nhận bài: 02/01/2025; **Ngày phản biện:** 17/01/2025; **Ngày duyệt đăng:** 25/03/2025

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, thế giới đang đối mặt với những thách thức lớn như biến đổi khí hậu và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, đòi hỏi các quốc gia phải quản lý và sử dụng nguồn lực một cách có trách nhiệm. Trong bối cảnh đó, phát triển du lịch bền vững đang trở thành xu hướng tất yếu và giải pháp quan trọng cho ngành du lịch. Tại Việt Nam, quá trình đô thị hóa nhanh chóng trong thập

kỷ qua đã tạo ra nhiều áp lực, đặc biệt là ô nhiễm môi trường, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải quy hoạch và quản lý đô thị hiệu quả hơn.

Thành phố Đà Lạt, với tiềm năng du lịch phong phú cùng lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và tài nguyên du lịch, đã khẳng định mình là điểm đến hấp dẫn cả trong nước và quốc tế. Qua 130 năm hình thành và phát triển, Đà Lạt đã trở thành trung tâm du lịch quốc gia và quốc tế với nhiều danh hiệu danh giá, như "Thành phố Festival Hoa", "Kho báu Châu Á" (CNN), và gần đây là "Thành phố sáng tạo toàn cầu" do UNESCO công nhận. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của du lịch Đà Lạt vẫn chưa thực sự bền vững, thể hiện qua việc chưa giải quyết triệt để các vấn đề môi trường, xã hội và chưa cân bằng giữa khai thác và tái tạo tài nguyên. Những vấn đề như việc chậm triển khai các dự án đầu tư, cạnh tranh không lành mạnh, lấn chiếm đất rừng, và sự gia tăng nhanh chóng của nhà kính không chuẩn gây ảnh hưởng lớn đến môi trường và cảnh quan. Điều này đòi hỏi thành phố cần có chiến lược dài hạn và sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan để giải quyết các vấn đề môi trường và đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

Từ thực tiễn đó, nghiên cứu "Đánh giá phát triển du lịch bền vững dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt" được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, đồng thời đề xuất các giải pháp hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng và tính bền vững của ngành du lịch tại Đà Lạt trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Khái niệm phát triển du lịch bền vững

Hiện nay, trên thế giới vẫn chưa thống nhất về khái niệm "phát triển du lịch bền vững". Theo Hens (1998) thì "Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hoá, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ đảm bảo sự sống".

Theo Machado (2003): "Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương".

Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO định nghĩa: "Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi vẫn duy trì được toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và hệ thống hỗ trợ cuộc sống con người" (UNWTO, 2005, Trang 11).

Như vậy, bản chất của phát triển du lịch bền vững là sự tổng hòa, giao thoa của ba thành tố: sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống. Có thể mô hình hóa phát triển du lịch bền vững qua sự giao nhau của 3 vòng tròn: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường.

Nhìn chung, những quan điểm trên đều coi phát triển du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững nói chung. Phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển du lịch ở một khu vực cụ thể sao cho nội dung, hình thức và quy mô là thích hợp và bền vững theo thời gian, không làm suy thoái môi trường, không làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác.



Hình 1. Quan niệm về phát triển bền vững

Nguồn: EEC (2024)

2.2. Khái niệm phát triển bền vững về môi trường

Phát triển bền vững môi trường là khái niệm quan trọng liên quan đến việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách thông minh và cẩn trọng để đảm bảo rằng chúng sẽ vẫn còn cho các thế hệ mai sau. Điều này không chỉ bao gồm việc quản lý tài nguyên và hệ sinh thái để ngăn chặn sự cạn kiệt và suy thoái, mà còn đảm bảo rằng môi trường có thể tiếp tục hỗ trợ sự sống của con người và duy trì sự đa dạng sinh học.

Báo cáo của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED, 1987) đã nêu rõ: "Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm giảm khả năng của các thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của chính họ" (WCED, 1987, tr 41). Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) mô tả: "Tính bền vững môi trường là trách nhiệm bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái toàn cầu, nhằm hỗ trợ sức khỏe và phúc lợi, cả hiện tại lẫn trong tương lai" (EPA, 2023). Viện Phát triển Bền vững Quốc tế (IISD) giải thích: "Tính bền vững môi trường là hành động theo cách đảm bảo rằng các thế hệ tương lai sẽ có đủ tài nguyên thiên nhiên để sống một cuộc sống không chỉ tương đương mà còn có thể tốt hơn so với các thế hệ hiện tại" (IISD, 2015). Herman Daly, một nhà kinh tế học sinh thái, đã cho rằng: "Tính bền vững môi trường có nghĩa là không khai thác tài nguyên không thể tái tạo quá mức, đảm bảo rằng các tài nguyên tái tạo được sử dụng với tốc độ cho phép chúng tái sinh tự nhiên, và quản lý các dòng thải để môi trường có thể hấp thụ mà không làm tổn hại đến các chức năng của hệ sinh thái" (Daly, 1990, tr 78). Tất cả các định nghĩa này đều nhấn mạnh sự cần thiết phải đạt được một sự cân bằng tinh tế giữa việc đáp ứng nhu cầu hiện tại và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời duy trì hệ sinh thái cho các thế hệ tương lai.

2.3. Bộ khung tiêu chí và phân tích phát triển bền vững về môi trường.

Dựa trên quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng và tham khảo các tài liệu chuyên sâu, tác giả đã phát triển một bộ tiêu chí được thiết kế riêng nhằm phù hợp với đề án phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Lạt, với trọng tâm là các yếu tố môi trường. Quá trình xây dựng hệ thống chỉ số được thực hiện thông qua các bước sau:

Xem xét các chỉ số về tính bền vững của ngành du lịch:

Tác giả tiến hành tổng hợp và đánh giá các chỉ số bền vững đã được áp dụng trong các nghiên cứu trước đây về du lịch. Điều này bao gồm việc xem xét các khía cạnh môi trường, kinh tế, xã hội và văn hóa để đảm bảo tính toàn diện của hệ thống chỉ số.

Chọn lọc và tổng hợp các chỉ số phù hợp với du lịch đô thị bền vững tại Đà Lạt:

Sau khi tổng hợp danh sách các chỉ số bền vững từ các nguồn tài liệu khác nhau, tác giả tiến hành lựa chọn những chỉ số phù hợp nhất với bối cảnh địa phương của Đà Lạt. Việc chọn lọc dựa trên các tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo rằng các chỉ số được chọn không chỉ phù hợp về mặt lý thuyết mà còn khả thi trong việc áp dụng thực tế.

Lựa chọn bộ chỉ số hợp lý để đo lường thực trạng du lịch bền vững tại Đà Lạt ở khía cạnh định lượng:

Bước đầu tiên trong việc xây dựng hệ thống chỉ số là lựa chọn một bộ chỉ số hợp lý để đo lường thực trạng của du lịch đô thị bền vững tại Đà Lạt. Quy trình này bao gồm: Lập danh sách ban đầu các chỉ số du lịch bền vững - Tác giả xây dựng một danh sách khởi điểm bao gồm các chỉ số du lịch bền vững dựa trên việc tìm kiếm và phân tích tài liệu chuyên sâu; chọn lọc các chỉ số ứng viên - Từ danh sách ban đầu, tác giả tiến hành lựa chọn các chỉ số đáp ứng các tiêu chí đặt ra; phù hợp với mục đích nghiên cứu - Các chỉ số phải liên quan trực tiếp đến việc đánh giá du lịch bền vững dưới góc độ môi trường; áp dụng ở cấp địa phương/đô thị - Chỉ số phải có thể áp dụng hiệu quả trong bối cảnh đô thị của Đà Lạt; có thể tính toán dựa trên dữ liệu có sẵn - Các chỉ số cần được xây dựng sao cho có thể thu thập và tính toán dựa trên dữ liệu hiện có hoặc dễ dàng thu thập; dễ làm việc và giao tiếp - Các chỉ số nên đơn giản, rõ ràng và dễ hiểu để thuận tiện cho việc triển khai và truyền đạt kết quả nghiên cứu.

Tổng hợp và hoàn thiện bộ chỉ số:

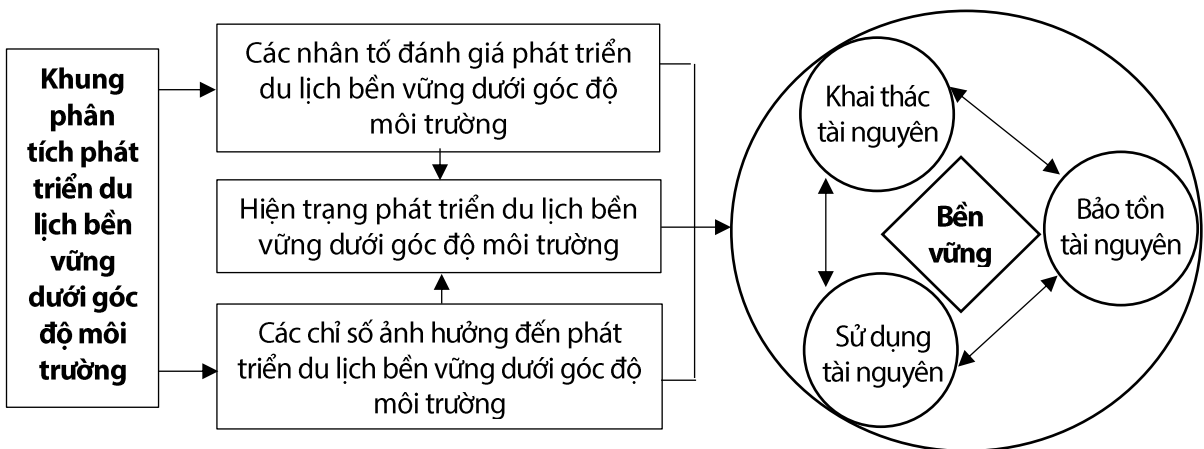
Sau khi lựa chọn các chỉ số phù hợp, tác giả tiến hành tổng hợp và hoàn thiện bộ chỉ số cuối cùng. Bộ chỉ số này sẽ được sử dụng làm cơ sở để thiết kế bảng hỏi và thực hiện khảo sát trong giai đoạn thu thập dữ liệu sơ cấp. Dựa trên bộ tiêu chí đã tổng hợp và tham khảo ý kiến từ

các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, tác giả đã lọc ra bộ tiêu chí phù hợp nhất với đặc thù của đề án, từ đó đảm bảo tính chính xác và khả thi cho các nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 1. Bộ khung tiêu chí phát triển bền vững về môi trường hoàn thiện.

STT	Nhân tố	Chỉ số
1	Giảm Tác Động Giao Thông, Vận Tải	Tỷ lệ du khách sử dụng phương tiện giao thông địa phương hoặc dịch vụ công cộng để di chuyển quanh điểm đến.
		Tỷ lệ doanh nghiệp du lịch cung cấp phương tiện giao thông thân thiện với môi trường.
2	Ô nhiễm không khí	Mức độ ô nhiễm không khí trung bình tại điểm đến.
		Số lượng doanh nghiệp du lịch sử dụng biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí.
3	Quản Lý Chất Thải Rắn	Số lượng chất thải mỗi đêm lưu trú du lịch so với số lượng chất thải của dân số nói chung.
		Khối lượng chất thải tái chế so với tổng khối lượng chất thải.
		Tỷ lệ doanh nghiệp có hệ thống quản lý chất thải nguy hại hoặc tái chế rác thải.
4	Xử Lý Nước Thải	Tỷ lệ nước thải nhận xử lý (theo các cấp độ: sơ cấp, thứ cấp, tinh cấp).
		Tỷ lệ cơ sở du lịch kết nối với hệ thống xử lý nước thải.
		Khả năng xả nước thải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.
5	Quản Lý Nước	Lượng nước tiêu thụ mỗi đêm lưu trú du lịch so với tiêu thụ nước của dân số nói chung.
		Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước.
6	Sử Dụng Năng Lượng	Lượng năng lượng tiêu thụ mỗi đêm lưu trú du lịch so với tiêu thụ năng lượng của dân số nói chung.
		Tỷ lệ doanh nghiệp du lịch thực hiện các hành động để giảm tiêu thụ năng lượng.
		Số lượng doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo hoặc công nghệ tiết kiệm năng lượng.
7	Quản Lý Cảnh Quan	Số công trình kiến trúc không phù hợp với cảnh quan so với tổng số công trình.
		Số lượng dự án bảo tồn cảnh quan được triển khai tại điểm đến.
8	Quản Lý Chi Phí Bảo Vệ và Đầu Tư	Chi phí bảo vệ và khôi phục.
		Tỷ lệ đóng góp của du lịch vào bảo vệ và khôi phục.
		Tổng số vốn đầu tư vào các dự án bảo vệ môi trường tại điểm đến.

(Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của tác giả)



Hình 2: Khung phân tích phát triển du lịch bền vững dưới góc độ môi trường

(Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của tác giả)

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện với phương pháp phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi chi tiết, thu thập 110 phiếu khảo sát từ ba nhóm đối tượng chính: 50 khách du lịch, 50 người

dân địa phương, và 10 doanh nghiệp tại thành phố Đà Lạt. Quá trình khảo sát diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2024, với mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp hạn ngạch, dựa trên các đặc điểm nhân khẩu học bao gồm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và vị trí địa lý. Toàn bộ 110 phiếu khảo sát đạt yêu cầu đã được xử lý thông qua phần mềm SPSS 20.0, cung cấp một cơ sở dữ liệu phong phú và toàn diện để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững về môi trường tại Đà Lạt.

Trong quá trình phân tích dữ liệu, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm tra độ tin cậy của thang đo và loại bỏ các biến có tương quan biến tổng dưới 0,3, theo khuyến nghị của Nunnally (1978). Tiếp đó, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được thực hiện để xác định các hệ số tải nhân tố, với tiêu chuẩn loại bỏ các biến có hệ số tải dưới 0,5. Cuối cùng, nghiên cứu tiến hành so sánh kết quả đánh giá về sự phát triển bền vững dưới góc độ môi trường giữa các nhóm đối tượng, nhằm làm rõ sự khác biệt trong nhận thức và ưu tiên của từng nhóm. Những kết quả này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về đặc điểm nhân khẩu học mà còn góp phần xác định các yếu tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững tại Đà Lạt, qua đó đề xuất các giải pháp phù hợp cho việc quản lý và khai thác tiềm năng du lịch theo hướng bền vững trong tương lai.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá sự phù hợp của dữ liệu cho phân tích nhân tố

Kết quả kiểm định giá trị Bartlett và chỉ số KMO xác nhận sự phù hợp của dữ liệu để tiến hành phân tích nhân tố khám phá đối với các biến trong mô hình nghiên cứu. Cụ thể, giá trị Bartlett đạt Chi-Square xấp xỉ 744,603 với bậc tự do (df) là 351 và mức ý nghĩa 0,000, cho thấy tồn tại sự tương quan giữa các biến trong tập dữ liệu (nonzero correlation exists). Chỉ số KMO đạt giá trị 0,634, nằm trong khoảng phù hợp (0,6 – 0,7), chỉ ra mức độ tương thích trung bình của dữ liệu để áp dụng phương pháp phân tích nhân tố.

Phương pháp trích nhân tố (Factor Extraction) sử dụng trong nghiên cứu là “principal axis factoring” kết hợp với phép xoay “promax” nhằm tối ưu hóa cấu trúc các nhân tố, với điểm dừng khi trích các nhân tố có giá trị “eigenvalue” lớn hơn hoặc bằng 1. Các biến có trọng số (factor loading) lớn hơn 0,40 trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) được giữ lại, đảm bảo rằng mối liên hệ giữa các thang đo lường và các nhân tố được duy trì tốt (Hair và cộng sự, 1998).

Để kiểm định giá trị tin cậy và tính phân biệt giữa các nhân tố, chỉ những nhân tố có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,60 được giữ lại trong phân tích. Kết quả cho thấy các hệ số thống kê đạt tiêu chuẩn cần thiết, đảm bảo tính tin cậy của thang đo và độ phù hợp để thực hiện phân tích trong các bước tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố

Biến quan sát	Diễn giải	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
Hệ thống giao thông vận tải tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,76					
GTVT1	Du khách có dễ dàng tiếp cận và sử dụng các phương tiện giao thông công cộng.	13,44	2,19	0,56	0,70
GTVT2	Du khách được cung cấp đầy đủ thông tin về các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường (ví dụ: xe đạp điện, xe buýt...).	13,42	2,28	0,52	0,72
GTVT3	Có chương trình hỗ trợ hoặc khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông xanh	13,41	2,34	0,58	0,69
GTVT4	Các phương tiện thân thiện với môi trường được quảng bá và khuyến khích sử dụng.	13,33	2,22	0,56	0,70

Chất lượng không khí tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,67					
CLKK1	Có sự khác biệt rõ ràng về mức độ ô nhiễm không khí tại Tp. Đà Lạt so với các khu vực khác (ví dụ: Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Tp. Đà Nẵng...).	9,92	2,66	0,48	0,59
CLKK2	Có các khu vực được chỉ định là vùng không khói hoặc khu vực cấm xe động cơ.	10,08	2,08	0,51	0,56
CLKK3	Có triển khai các chiến dịch nâng cao nhận thức về bảo vệ không khí cho du khách.	9,90	2,42	0,45	0,61
CLKK4	Có các biện pháp đo lường và công bố chất lượng không khí định kỳ cho cộng đồng.	10,11	2,61	0,39	0,64
Quản lý chất thải rắn tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,63					
QLCR1	Các cơ sở lưu trú có áp dụng phân loại rác và tái chế.	7,41	1,23	0,50	0,44
QLCR2	Du khách được hướng dẫn cách phân loại và xử lý rác.	7,49	1,35	0,46	0,5
QLCR3	Chất thải nguy hại từ doanh nghiệp du lịch được quản lý và xử lý đúng cách.	7,26	1,59	0,36	0,63
Xử lý nước thải tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,72					
XLNT1	Các cơ sở du lịch có kết nối với hệ thống xử lý nước thải tiêu chuẩn.	15,55	4,56	0,58	0,68
XLNT2	Có biện pháp giảm lượng nước thải từ hoạt động du lịch không? (ví dụ: tái sử dụng nước trong nhà hàng...)	15,72	4,82	0,57	0,69
XLNT3	Các doanh nghiệp du lịch thực hiện công khai về việc xử lý nước thải.	15,52	4,82	0,54	0,70
XLNT4	Có triển khai các chương trình giám sát chất lượng nước thải xả ra môi trường.	15,55	5,28	0,41	0,74
Quản lý nước sạch tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,67					
QLNS1	Cơ sở du lịch có hướng dẫn hoặc khuyến khích du khách tiết kiệm nước.	11,59	2,78	0,42	0,64
QLNS2	Có thiết bị tiết kiệm nước (ví dụ: vòi phun tiết kiệm, hệ thống xả tiết kiệm nước) được lắp đặt trong các cơ sở du lịch.	11,62	3,08	0,45	0,61
QLNS3	Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp du lịch đầu tư vào công nghệ tiết kiệm nước.	11,75	2,76	0,53	0,56
QLNS4	Các cơ sở lưu trú có biện pháp kiểm soát và báo cáo về mức tiêu thụ nước.	11,67	2,95	0,43	0,622
Sử dụng năng lượng tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,64					
SDNL1	Cơ sở du lịch có sử dụng năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời, gió...)	8,13	1,45	0,46	0,52
SDNL2	Có khuyến khích doanh nghiệp và du khách giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.	8,06	1,53	0,41	0,60
SDNL3	Có áp dụng hệ thống giám sát và báo cáo về mức tiêu thụ năng lượng.	8,12	1,45	0,48	0,50
Quản lý cảnh quan tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,64					
QLCQ1	Các công trình kiến trúc hài hòa với cảnh quan tự nhiên.	8,03	1,68	0,48	0,49
QLCQ2	Có các biện pháp bảo tồn cảnh quan tự nhiên và di sản kiến trúc.	8,13	1,73	0,40	0,61
QLCQ3	Có quy hoạch và giới hạn xây dựng nhằm bảo vệ cảnh quan tự nhiên.	8,01	1,72	0,46	0,52

8 Quản lý chi phí bảo vệ và đầu tư tại Tp. Đà Lạt: CBs =0,55					
QLDT1	Các doanh nghiệp du lịch có đóng góp tài chính cho các hoạt động bảo vệ và khôi phục môi trường.	3,95	0,57	0,38	
QLDT2	Du khách sẵn sàng đóng góp để bảo vệ và khôi phục môi trường.	3,94	0,57	0,38	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy tổng phương sai trích đạt 60,67%, thể hiện rằng 8 nhân tố rút ra giải thích được 60,67% biến thiên của dữ liệu. Do vậy, các thang đo rút ra chấp nhận được. Các thành phần từ thứ 9 trở đi, với giá trị Eigen nhỏ hơn 1 và tỷ lệ phương sai không đáng kể, đã bị loại bỏ. Kết quả này cho thấy các biến quan sát đã được phân nhóm hợp lý theo cấu trúc lý thuyết, tạo nền tảng vững chắc cho các phân tích tiếp theo.

Bảng 3. Kết quả EFA thang đo các nhân tố cấu thành chất lượng dịch vụ mặt đất

Biến quan sát	Thành phần							
	1	2	3	4	5	6	7	8
GTVT1→GTVT4	0,70→ 0,86							
XLNT1→ XLNT4		0,63→ 0,79						
CLKK1→ CLKK4			0,60→ 0,76					
QLNS1→ QLNS4				0,54→ 0,75				
QLCQ1→ QLCQ3					0,65→ 0,77			
QLCR1→ QLCR3						0,57→ 0,77		
SDNL1→ SDNL3							0,71→ 0,74	
BVDT1→ BVDT2								0,75→ 0,76
Engenvalue	3,81	2,75	2,28	1,9	1,58	1,48	1,37	1,23
Phương sai trích	14,1%	10,17%	8,44%	7,02%	5,85%	5,48%	5,06%	4,55%
Tổng phương sai trích	60,67%	60,67%	60,67%	60,67%	60,67%	60,67%	60,67%	60,67%
Cronbach alpha	0,76	0,72	0,67	0,67	0,64	0,63	0,64	0,55

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra)

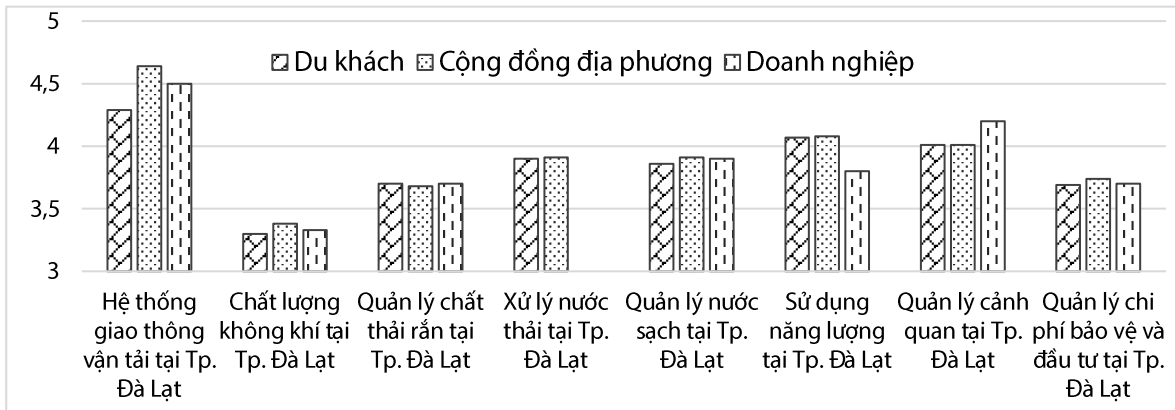
4.2. So sánh kết quả đánh giá phát triển bền vững dưới góc độ môi trường của các đối tượng

Kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt đáng kể trong mức độ đánh giá các tiêu chí phát triển bền vững về môi trường giữa ba nhóm đối tượng: cộng đồng địa phương, du khách và doanh nghiệp. Cộng đồng địa phương đánh giá cao các tiêu chí giao thông vận tải (4,64), quản lý nước sạch (3,91), và sử dụng năng lượng (4,08), phản ánh sự hài lòng với cơ sở hạ tầng, nhưng lại có mức đánh giá thấp về chất lượng không khí (3,38) và quản lý chất thải rắn (3,68), do nhận thức rõ những vấn đề môi trường chưa được giải quyết triệt để. Du khách, với trải nghiệm ngắn hạn, đánh giá tích cực hệ thống giao thông (4,29) và sử dụng năng lượng (4,07), nhưng lại ghi nhận điểm thấp về chất lượng không khí (3,3), do ấn tượng tiêu cực từ môi trường tại các khu vực đông đúc. Doanh nghiệp, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách môi trường, đánh giá cao quản lý cảnh quan (4,2) nhưng gặp khó khăn với xử lý nước thải (3,0) và sử dụng năng lượng (3,8), do chi phí vận hành cao và thiếu hiệu quả. Kết quả này phản ánh sự khác biệt trong quan tâm và lợi ích của từng nhóm, đồng thời gợi ý các chính sách phù hợp nhằm phát triển bền vững tại Đà Lạt.

Bảng 4. Bảng so sánh kết quả đánh giá phát triển bền vững dưới góc độ môi trường của các đối tượng

	Du khách	Cộng đồng địa phương	Doanh nghiệp
Hệ thống giao thông vận tải tại Tp. Đà Lạt	4,29	4,64	4,50
Chất lượng không khí tại Tp. Đà Lạt	3,30	3,38	3,33
Quản lý chất thải rắn tại Tp. Đà Lạt	3,71	3,68	3,70
Xử lý nước thải tại Tp. Đà Lạt	3,90	3,91	3,00
Quản lý nước sạch tại Tp. Đà Lạt	3,86	3,91	3,90
Sử dụng năng lượng tại Tp. Đà Lạt	4,07	4,08	3,80
Quản lý cảnh quan tại Tp. Đà Lạt	4,01	4,01	4,20
Quản lý chi phí bảo vệ và đầu tư tại Tp. Đà Lạt	3,69	3,74	3,70

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả, 2024)

**Hình 4. Đồ thị biểu diễn kết quả đánh giá phát triển bền vững dưới góc độ môi trường của các đối tượng**

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả, 2024)

4.3. Đánh giá chung

4.3.1. Những kết quả đạt được

Thành phố Đà Lạt đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc phát triển du lịch bền vững về môi trường, tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Một trong những thành tựu nổi bật là cải thiện hệ thống giao thông vận tải, được đánh giá cao bởi cả cộng đồng địa phương (4.64) và du khách (4.29). Các chương trình khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và giao thông xanh, như xe điện, xe đạp và khu vực không khói, đã góp phần giảm lượng khí thải, thúc đẩy sự phát triển của các mô hình giao thông bền vững. Đặc biệt, việc quảng bá và khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường đạt điểm cao nhất (4.53), cho thấy sự đồng thuận mạnh mẽ trong cộng đồng và du khách.

Về quản lý chất thải rắn, các cơ sở lưu trú và doanh nghiệp du lịch đã tích cực áp dụng biện pháp phân loại và tái chế rác thải (QLCR1: 3.59), hướng dẫn du khách thực hiện phân loại rác (QLCR2: 3.67), và xử lý chất thải nguy hại đúng cách (QLCR3: 3.82). Những nỗ lực này không chỉ giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn tạo điều kiện cho việc tái sử dụng tài nguyên, hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn. Bên cạnh đó, các chương trình giám sát chất lượng nước thải tại một số cơ sở du lịch đã được triển khai (XLNT4: 4.0), phản ánh bước tiến quan trọng trong việc xử lý nước thải nhằm bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm.

Đà Lạt cũng đạt được những kết quả tích cực trong sử dụng năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng. Việc áp dụng các giải pháp như sử dụng năng lượng mặt trời (SDNL1: 4.03) và hệ thống giám sát tiêu thụ năng lượng (SDNL3: 4.04) đã được thực hiện tại nhiều cơ sở du lịch. Đồng thời, các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp và du khách giảm tiêu thụ năng lượng (SDNL2: 4.1) đã giúp nâng cao ý thức và giảm áp lực lên hệ thống cung ứng năng lượng truyền thống.

Công tác bảo tồn cảnh quan và di sản kiến trúc cũng được triển khai một cách hài hòa, góp phần duy trì bản sắc riêng của Đà Lạt. Các công trình kiến trúc tại thành phố được xây dựng phù hợp với cảnh quan tự nhiên (QLCQ1: 4.05), và quy hoạch hạn chế xây dựng nhằm bảo vệ cảnh quan (QLCQ3: 4.07) đã nhận được sự đánh giá cao. Điều này giúp Đà Lạt giữ được vẻ đẹp đặc trưng của thành phố, vừa là điểm đến du lịch hấp dẫn, vừa là nơi đảm bảo chất lượng sống cao cho cư dân địa phương.

4.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân

- Những hạn chế

Mặc dù thành phố Đà Lạt đạt được nhiều kết quả tích cực trong phát triển du lịch bền vững, nhưng vẫn tồn tại không ít hạn chế về môi trường. Cụ thể, ô nhiễm không khí vẫn là vấn đề nổi cộm khi điểm đánh giá trung bình chỉ đạt 3.3 từ du khách và 3.38 từ cộng đồng, phần lớn do lưu lượng phương tiện giao thông lớn và sự gia tăng các hoạt động du lịch trung tâm, đồng thời việc công bố chất lượng không khí định kỳ (3.23) và triển khai khu vực không khói xe (3.25) còn hạn chế. Công tác xử lý nước thải cũng gặp nhiều bất cập, khi nhiều cơ sở du lịch chưa kết nối với hệ thống đạt tiêu chuẩn (3.98) và các biện pháp tiết kiệm, tái sử dụng nước (3.8) chưa được triển khai đồng bộ, dẫn đến đánh giá của doanh nghiệp chỉ đạt 3.0 do chi phí cao và hiệu quả hạ tầng yếu. Bên cạnh đó, khai thác nguồn nước sạch quá mức từ sản xuất nông nghiệp và du lịch đã đặt áp lực lớn lên hệ thống cấp nước, với chỉ số kiểm soát tiêu thụ nước tại các cơ sở lưu trú chỉ đạt 3.9, từ đó làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt và ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm, nước mặt. Hơn nữa, sự chuyển đổi đất rừng và suy giảm đa dạng sinh học do mở rộng đô thị và các khu du lịch đã gây ra xói mòn đất và ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên. Cuối cùng, công tác quản lý chi phí bảo vệ và đầu tư môi trường cũng chưa đạt kết quả như mong đợi; mặc dù doanh nghiệp du lịch và du khách có thể đóng góp tài chính ở mức trung bình (3.94 và 3.95), nhưng mức độ đóng góp còn hạn chế và thiếu các chương trình, giải pháp cụ thể để tận dụng nguồn quỹ một cách hiệu quả.

- Những nguyên nhân chính

Gia tăng lưu lượng phương tiện giao thông và hoạt động du lịch: Sự phát triển nhanh chóng của du lịch dẫn đến lượng phương tiện giao thông tăng cao, gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng tại trung tâm Đà Lạt. Hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu, trong khi các chính sách kiểm soát khí thải và khu vực không khói xe còn hạn chế. Các biện pháp bảo vệ môi trường giao thông được đánh giá thấp (3.23 và 3.25), cho thấy hiệu quả cải thiện chất lượng không khí chưa cao.

Hạ tầng xử lý nước thải yếu kém: Nhiều cơ sở du lịch, đặc biệt ở khu vực xa trung tâm, chưa được kết nối với hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn do chi phí đầu tư cao và hiệu quả vận hành thấp. Điểm đánh giá hệ thống xử lý nước thải chỉ đạt 3.0, phản ánh sự không hài lòng của doanh nghiệp và sự thiếu hỗ trợ từ cơ quan quản lý.

Quản lý tài nguyên nước chưa hiệu quả: Nhu cầu sử dụng nước tăng mạnh từ cả du lịch và nông nghiệp gây áp lực lớn lên hệ thống cấp nước. Các cơ sở du lịch thiếu biện pháp kiểm soát tiêu thụ nước, với điểm đánh giá quản lý nước sạch chỉ đạt 3.9. Hoạt động nông nghiệp còn gây ô nhiễm nguồn nước ngầm và nước mặt, đe dọa nguy cơ thiếu hụt nguồn nước sạch trong tương lai.

Mất cân bằng giữa phát triển đô thị và bảo vệ rừng: Sự mở rộng đô thị và xây dựng các khu du lịch đã làm suy giảm đáng kể diện tích rừng, gây mất môi trường sống, tăng xói mòn đất, và ảnh hưởng khả năng giữ nước. Ưu tiên phát triển kinh tế ngắn hạn mà thiếu tính toán tác động dài hạn đang làm mất đi thể mạnh tự nhiên của Đà Lạt.

Quản lý tài chính bảo vệ môi trường chưa hiệu quả: Dù doanh nghiệp và du khách sẵn sàng đóng góp vào bảo vệ môi trường (điểm đánh giá 3.94 và 3.95), nhưng việc sử dụng và quản lý nguồn tài chính chưa hiệu quả. Sự thiếu đồng bộ trong các chương trình và sáng kiến đã làm giảm tác động tích cực của những nỗ lực bảo vệ môi trường.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu đã đạt được mục tiêu là kiểm định các nhân tố cấu thành các tiêu chí phát triển bền vững dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt, thông qua việc so sánh mức độ đánh giá

của ba nhóm đối tượng: du khách, cộng đồng địa phương, và doanh nghiệp. Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang đo, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) để xác định các nhân tố chính. Kết quả cho thấy 8 nhân tố được giữ lại, giải thích được 60,67% biến thiên của dữ liệu và ủng hộ các giả thuyết đề xuất.

Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển du lịch bền vững tại Đà Lạt, đặc biệt trong bối cảnh thành phố đối mặt với áp lực gia tăng từ hoạt động du lịch. Các giải pháp tập trung vào việc đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tăng cường công tác quản lý môi trường, và xây dựng các chương trình giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp du lịch và du khách trong các hoạt động bền vững như sử dụng năng lượng tái tạo, phân loại rác thải, và giảm thiểu lượng nước thải là các định hướng quan trọng. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của việc xây dựng cơ chế quản lý hiệu quả và đồng bộ, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo tồn cảnh quan, nhằm duy trì bản sắc đặc trưng của Đà Lạt. Những giải pháp này không chỉ hướng tới cải thiện chất lượng môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố, góp phần khẳng định vị thế Đà Lạt là điểm đến du lịch bền vững hàng đầu trong khu vực.

5.2. Hàm ý chính sách quản trị

Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy, trong tổng số tám tiêu chí thuộc yếu tố môi trường, bốn tiêu chí có mức ảnh hưởng cao nhất đến nhận thức và hành động của các bên liên quan trong việc phát triển du lịch bền vững tại thành phố Đà Lạt, bao gồm quản lý chất thải rắn, xử lý nước thải, giảm tác động giao thông và sử dụng năng lượng tái tạo. Cụ thể, tiêu chí quản lý chất thải rắn có tác động lớn nhất, với các điểm trung bình về phân loại và tái chế rác tại cơ sở lưu trú, hướng dẫn du khách phân loại rác và quản lý chất thải nguy hại lần lượt đạt 3.59, 3.67 và 3.82 trên thang điểm 5. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý chất thải vẫn chưa đồng bộ, đòi hỏi thành phố cần đầu tư vào các trạm xử lý hiện đại và áp dụng công nghệ tái chế tiên tiến, đồng thời tổ chức các chiến dịch tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng. Về tiêu chí xử lý nước thải, hệ thống hiện tại tại các cơ sở du lịch lớn chưa đạt chuẩn, với điểm đánh giá kết nối hệ thống đạt 3.98/5 và các biện pháp tiết kiệm, tái sử dụng nước chỉ đạt 3.8/5, cho thấy sự cần thiết trong việc đầu tư vào các hệ thống xử lý tập trung với công nghệ tiên tiến và triển khai giám sát, báo cáo định kỳ nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý nguồn nước. Hơn nữa, tiêu chí giảm ô nhiễm không khí và quản lý giao thông, với điểm đánh giá từ du khách và cộng đồng lần lượt đạt 3.3/5 và 3.38/5, cho thấy tình trạng ô nhiễm không khí gia tăng do lưu lượng giao thông cao và hạ tầng chưa phát triển đủ; do đó, cần phát triển giao thông xanh như xe buýt điện, xe đạp công cộng và xây dựng các khu vực không khói tại các điểm du lịch trọng điểm. Bên cạnh đó, vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ cảnh quan tự nhiên cũng gặp nhiều thách thức do sự suy giảm diện tích rừng và mở rộng đô thị, đòi hỏi việc phát triển du lịch sinh thái, quy hoạch đô thị bền vững và các dự án phục hồi rừng với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính đồng bộ. Cuối cùng, tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng thông qua các chiến dịch tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh là yếu tố xuyên suốt, góp phần thúc đẩy trách nhiệm xã hội trong bảo vệ môi trường và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển du lịch bền vững tại Đà Lạt trong tương lai.

5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù nghiên cứu về tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, song vẫn tồn tại những hạn chế cần khắc phục và mở rộng trong các nghiên cứu tương lai. Trước hết, các tiêu chí đánh giá tính bền vững về môi trường trong nghiên cứu này chủ yếu dựa trên nhận thức của ba nhóm đối tượng chính: du khách, cộng đồng địa phương, và doanh nghiệp. Việc chỉ dựa trên nhận thức có thể dẫn đến sự chủ quan trong đánh giá, chưa phản ánh đầy đủ các khía cạnh thực tế và các yếu tố khách quan khác, chẳng hạn như dữ liệu đo lường cụ thể về mức độ ô nhiễm hoặc hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Thứ hai, nghiên cứu được thực hiện trên cỡ mẫu nhỏ, gồm 110 quan sát, với các nhóm đối tượng được chọn tại thành phố Đà Lạt. Cỡ mẫu này có thể chưa đủ để tổng quát hóa kết quả cho

toàn bộ lĩnh vực du lịch tại thành phố. Trong các nghiên cứu tương lai, cần mở rộng quy mô mẫu, đồng thời khảo sát tại các địa phương khác có đặc điểm tương tự như Sa Pa, Đà Nẵng hoặc Nha Trang, để so sánh và đưa ra những khuyến nghị mang tính toàn diện hơn.

Thứ ba, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc đánh giá các tiêu chí liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, chưa có sự phân tích sâu về mối quan hệ giữa các yếu tố môi trường và các yếu tố xã hội, kinh tế, như tác động của du lịch bền vững đến việc làm, thu nhập, và đời sống của cộng đồng địa phương. Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần mở rộng phạm vi để xem xét đồng thời các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường, nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về tính bền vững.

Cuối cùng, nghiên cứu hiện tại chưa đưa vào các yếu tố như rủi ro môi trường, giá trị kinh tế dài hạn của các giải pháp bền vững, hay mức độ sẵn lòng tham gia của các bên liên quan vào các sáng kiến bảo vệ môi trường. Những yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược và chính sách phát triển bền vững. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai cần tiếp cận đa chiều hơn, kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, đồng thời sử dụng các công cụ phân tích hiện đại để nâng cao tính chính xác và khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Chương trình Phát triển Năng lực Du lịch có trách nhiệm với Môi trường và Xã hội. (2013). *Bộ công cụ Du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam*. Dự án EU do Liên minh Châu Âu tài trợ. Truy xuất tại: <https://images.vietnamtourism.gov.vn/vn/dmdocuments/BocongcuDLTNVN.pdf>, ngày 02/1/2025.

Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu. (2016). *Tiêu chuẩn du lịch toàn cầu GSTC*. Truy xuất tại: https://www.gstcouncil.org/wp-content/uploads/Vietnamese-GSTC_Industry_Criteria-Dec2016-Tieng-Viet.pdf, ngày 02/1/2025.

Phạm Trung Lương (2000). *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*. Truy xuất tại: https://books.google.com.vn/books/about/T%C3%A0i_ngu%C3%AAn_v%C3%A0_m%C3%B4i_tr%C6%B0%C6%B0%E1%BB%9Dng_du_l%C6%B0%E1%BB%8Bc.html?id=cjWAAAAAMAAJ&redir_esc=y, ngày 02/1/2025.

Bùi Trung Hưng. (2023). *Du lịch đô thị tại Đà Lạt: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững*. Truy xuất tại: <https://tapchimoitruong.vn/giai-phap-cong-nghe-xanh-22/thuc-trang-moi-truong-do-thi-tai-da-lat-va-giai-phap-de-phat-trien-ben-vung-29310>, ngày 02/1/2025.

Machado, A. (2003). Tourism and sustainable development. In *Tourism and Sustainable Development* (pp. 13-15).

Daly, H. E. (1996). *Beyond growth: The economics of sustainable development*. Washington, DC: Beacon Press.

Dang, Q. T., & Nguyen, D. H. (2019). GIS-based frequency ratio method for landslide susceptibility mapping at Da Lat City, Lam Dong province, Vietnam.

McLoughlin, E. (2018). *European tourism indicator system for sustainable destination management in County Donegal, Ireland*. Truy xuất tại: https://books.google.com.vn/books?hl=vi&lr=&id=DVF1DwAAQBAJ&oi=fnd&pg=PA78&ots=Y3NSj6sNhy&sig=3DD-00ioNOQE7LKC2iM-Xa2WTLsc&redir_esc=y#v=onepage&q&f=false, ngày 02/1/2025.

UNEP, & UNWTO. (2005). *Making tourism more sustainable: A guide for policy makers*. UNEP and UNWTO.

Manning, E. W. (1996). Carrying capacity and environmental indicators. *WTO News*, June 1996.

Machado, A. (2003). *Tourism and sustainable development: Capacity building for tourism development in Vietnam*. VNAT and FUDESIO.

World Tourism Organization. (2004). *Indicators of sustainable development for tourism destinations: A guidebook* (pp. 147-183). Madrid, Spain.

UNWTO. (2015). *One planet – Sustainable tourism network*. Retrieved January 2, 2025, from <http://sdt.unwto.org/about-10yfp-stp>.